

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu qua mạng gói thầu Cung cấp hóa chất, sinh phẩm, vật tư tiêu hao phục vụ cho hoạt động phòng chống sốt xuất huyết năm 2026 của Viện Pasteur Thành phố Hồ Chí Minh

thuộc Dự toán mua sắm Cung cấp hóa chất, sinh phẩm, vật tư tiêu hao phục vụ cho hoạt động phòng chống sốt xuất huyết năm 2026 của Viện Pasteur Thành phố Hồ Chí Minh

VIỆN TRƯỞNG VIỆN PASTEUR THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Quyết định số 4775/QĐ-BYT ngày 17 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành Quy chế Tổ chức và hoạt động của Viện Pasteur Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 23 tháng 6 năm 2023 của Quốc hội;

Căn cứ Luật số 57/2024/QH15 ngày 29 tháng 11 năm 2024 của Quốc hội về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quy hoạch, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư và Luật Đấu thầu;

Căn cứ Luật số 90/2025/QH15 ngày 25 tháng 6 năm 2025 của Quốc hội về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu thầu, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Hải quan, Luật Thuế giá trị gia tăng, Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư công, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04 tháng 8 năm 2025 của Chính phủ về việc Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Thông tư số 79/2025/TT-BTC ngày 04 tháng 8 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc Hướng dẫn việc cung cấp, đăng tải thông tin về lựa chọn nhà thầu và mẫu hồ sơ đấu thầu trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 921/QĐ-BYT ngày 11 tháng 4 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc quy định thẩm quyền quyết định mua sắm tài sản, hàng hóa, dịch vụ phục vụ hoạt động của các cơ quan, đơn vị thuộc và trực thuộc Bộ Y tế;

Căn cứ Quyết định số 172/QĐ-PAS ngày 11 tháng 4 năm 2023 của Viện trưởng Viện Pasteur Thành phố Hồ Chí Minh về việc Ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức của các Khoa, Phòng, Trung tâm trực thuộc Viện Pasteur Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 1180/QĐ-PAS ngày 19 tháng 12 năm 2024 của Viện trưởng Viện Pasteur Thành phố Hồ Chí Minh về việc điều chỉnh, cập nhật Quyết định số 172/QĐ-PAS ngày 11 tháng 4 năm 2023 của Viện trưởng Viện Pasteur Thành phố Hồ Chí Minh về việc Ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức của các Khoa, Phòng, Trung tâm trực thuộc Viện Pasteur Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 2903/QĐ-BYT ngày 12 tháng 9 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc phê duyệt nội dung hoạt động chuyên môn thực hiện nhiệm vụ Bộ Y tế giao từ nguồn ngân sách nhà nước năm 2026 của Viện Pasteur Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 4058/QĐ-BYT ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc giao dự toán thu chi, ngân sách nhà nước năm 2026;

Căn cứ Quyết định số 55/QĐ-PAS ngày 30 tháng 01 năm 2026 của Viện trưởng Viện Pasteur Thành phố Hồ Chí Minh về việc phê duyệt Dự toán kinh phí hoạt động phòng chống dịch, phòng chống sốt xuất huyết, hoạt động tiêm chủng mở rộng, hoạt động phòng chống HIV/AIDS, hoạt động thực hiện nhiệm vụ kiểm nghiệm an toàn thực phẩm năm 2026 của Viện Pasteur Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 409/QĐ-PAS ngày 23 tháng 6 năm 2026 của Viện trưởng Viện Pasteur Thành phố Hồ Chí Minh về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu cho Dự toán mua sắm: Cung cấp hóa chất, sinh phẩm, vật tư tiêu hao phục vụ cho hoạt động phòng chống sốt xuất huyết năm 2026 của Viện Pasteur Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 420/QĐ-PAS ngày 26 tháng 6 năm 2026 của Viện trưởng Viện Pasteur Thành phố Hồ Chí Minh về việc phê duyệt Thông báo mời thầu cho gói thầu Cung cấp hóa chất, sinh phẩm, vật tư tiêu hao phục vụ cho hoạt động phòng chống sốt xuất huyết năm 2026 của Viện Pasteur Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Kết quả chào giá trực tuyến ngày 06 tháng 7 năm 2026;

Căn cứ xác nhận chấp thuận được trao hợp đồng với các nhà thầu xếp hạng thứ nhất;

Theo đề nghị của Trưởng Phòng Vật tư – Thiết bị y tế.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu của gói thầu Cung cấp hóa chất, sinh phẩm, vật tư tiêu hao phục vụ cho hoạt động phòng chống sốt xuất huyết năm 2026 của Viện Pasteur Thành phố Hồ Chí Minh, bao gồm:

1. Thông tin về gói thầu:

- Số E-TBMT: IB2600318547;
- Tên gói thầu: Cung cấp hóa chất, sinh phẩm, vật tư tiêu hao phục vụ cho hoạt động phòng chống sốt xuất huyết năm 2026 của Viện Pasteur Thành phố Hồ Chí Minh;
- Giá gói thầu: 1.224.388.280 đồng (*Bằng chữ: Một tỷ, hai trăm hai mươi bốn triệu, ba trăm tám mươi tám nghìn, hai trăm tám mươi đồng*);
- Tên chủ đầu tư: Viện Pasteur Thành phố Hồ Chí Minh;
- Hình thức lựa chọn nhà thầu: Chào giá trực tuyến rút gọn trong nước qua mạng.

Xét theo từng phần của gói thầu;

- Loại hợp đồng: Trọn gói;
- Thời gian thực hiện gói thầu: 90 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.

2. Thông tin về nhà thầu trúng thầu:

Chi tiết theo Phụ lục I đính kèm.

3. Thông tin về nhà thầu không trúng thầu:

Chi tiết theo Phụ lục II đính kèm.

4. Thông tin về hàng hóa trúng thầu:

Chi tiết theo Phụ lục III đính kèm.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

Giao Phòng Vật tư – Thiết bị y tế và các đơn vị có liên quan căn cứ nội dung được phê duyệt tại Điều 1 của Quyết định này, tiến hành tổ chức hoàn thiện hợp đồng.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành. Phòng Vật tư – Thiết bị y tế và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- PVT Đinh Xuân Thành (để p/h chỉ đạo);
- Tổ CNTT – Phòng HCQT (để thực hiện đăng tin trên website của Viện);
- Lưu: VT, VTTBYT.

VIỆN TRƯỞNG

Nguyễn Vũ Trung

Phụ lục I
THÔNG TIN VỀ NHÀ THẦU TRÚNG THẦU
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-PAS ngày tháng 7 năm 2026 của Viện trưởng
Viện Pasteur Thành phố Hồ Chí Minh)

STT	Tên nhà thầu	Mã số thuế	Giá dự thầu (VNĐ)	Giá dự thầu sau hiệu chỉnh sai lệch thừa (nếu có), giảm giá (nếu có)	Điểm kỹ thuật (nếu có)	Giá đánh giá (nếu có)	Giá trúng thầu (VNĐ)	Thời gian thực hiện gói thầu	Thời gian thực hiện hợp đồng	Các nội dung khác (nếu có)
1	CÔNG TY TNHH PHÁT TRIỂN KHOA HỌC VITECH	0106092106	511.877.000	511.877.000	-	-	511.877.000	90 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	150 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	-
2	CÔNG TY CP KỸ THUẬT VÀ SINH HỌC ỨNG DỤNG VIỆT NAM	0105168916	389.204.000	389.204.000	-	-	389.204.000	90 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	150 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	-
3	CÔNG TY TNHH B.C.E VIỆT NAM	0101918501	116.420.000	116.420.000	-	-	116.420.000	90 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	150 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	-
4	CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ KHOA HỌC LAN OANH	0301442682	23.976.000	23.976.000	-	-	23.976.000	90 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	150 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	-
5	CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ KHOA HỌC VIỆT ANH	0101101276	50.912.000	50.912.000	-	-	50.912.000	90 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	150 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	-
6	CÔNG TY TNHH KHOA HỌC KỸ THUẬT VIETLAB	0102800460	36.915.200	36.915.200	-	-	36.915.200	90 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	150 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	-
7	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ THUẬN GIANG	0312315968	68.057.000	68.057.000	-	-	68.056.925	90 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	150 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	-
Tổng cộng (VNĐ)							1.197.361.125			

Phụ lục II**THÔNG TIN VỀ NHÀ THẦU KHÔNG TRÚNG THẦU**

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-PAS ngày tháng 7 năm 2026 của Viện trưởng
Viện Pasteur Thành phố Hồ Chí Minh)

STT	Tên nhà thầu	Mã số thuế	Mã phần (lô)	Tên phần (lô)	Lý do nhà thầu không trúng thầu
1	CÔNG TY CP VẬT TƯ KHOA HỌC BIOMEDIC	0102956002	PP2600259088	Tube đo huỳnh quang	Nhà thầu không được xếp hạng thứ nhất
2	CÔNG TY CP KỸ THUẬT VÀ SINH HỌC ỨNG DỤNG VIỆT NAM	0105168916	PP2600259107	Đầu côn có lọc 10 microlit	Nhà thầu không được xếp hạng thứ nhất
3	CÔNG TY CP KỸ THUẬT VÀ SINH HỌC ỨNG DỤNG VIỆT NAM	0105168916	PP2600259108	Đầu côn có lọc 100 microlit	Nhà thầu không được xếp hạng thứ nhất
4	CÔNG TY CP KỸ THUẬT VÀ SINH HỌC ỨNG DỤNG VIỆT NAM	0105168916	PP2600259109	Đầu côn có lọc 200 microlit	Nhà thầu không được xếp hạng thứ nhất
5	CÔNG TY CP KỸ THUẬT VÀ SINH HỌC ỨNG DỤNG VIỆT NAM	0105168916	PP2600259110	Đầu côn có lọc 1000 microlit	Nhà thầu không được xếp hạng thứ nhất
6	CÔNG TY CP KỸ THUẬT VÀ SINH HỌC ỨNG DỤNG VIỆT NAM	0105168916	PP2600259111	Đầu côn không lọc có khóa 10 microlit	Nhà thầu không được xếp hạng thứ nhất
7	CÔNG TY CP KỸ THUẬT VÀ SINH HỌC ỨNG DỤNG VIỆT NAM	0105168916	PP2600259115	Hộp lưu mẫu 81 chỗ	Nhà thầu không được xếp hạng thứ nhất
8	CÔNG TY CP KỸ THUẬT VÀ SINH HỌC ỨNG DỤNG VIỆT NAM	0105168916	PP2600259116	Ống nhựa hút vô trùng	Nhà thầu không được xếp hạng thứ nhất
9	CÔNG TY CP KỸ THUẬT VÀ SINH HỌC ỨNG DỤNG VIỆT NAM	0105168916	PP2600259121	Bàn cào tế bào	Nhà thầu không được xếp hạng thứ nhất
10	CÔNG TY CP KỸ THUẬT VÀ SINH HỌC ỨNG DỤNG VIỆT NAM	0105168916	PP2600259122	Chai nuôi cấy tế bào 25cm ²	Nhà thầu không được xếp hạng thứ nhất
11	CÔNG TY CP KỸ THUẬT VÀ SINH HỌC ỨNG DỤNG VIỆT NAM	0105168916	PP2600259123	Lọc chân không 500ml	Nhà thầu không được xếp hạng thứ nhất
12	CÔNG TY CP KỸ THUẬT VÀ SINH HỌC ỨNG DỤNG VIỆT NAM	0105168916	PP2600259125	Đĩa nhựa 96 giếng 0,1ml dùng cho máy realtime PCR (có barcode)	Nhà thầu không được xếp hạng thứ nhất
13	CÔNG TY CP VẬT TƯ KHOA	0102956002	PP2600259125	Đĩa nhựa 96 giếng 0,1ml	Nhà thầu không được xếp hạng thứ nhất

STT	Tên nhà thầu	Mã số thuế	Mã phân (lô)	Tên phân (lô)	Lý do nhà thầu không trúng thầu
	HỌC BIOMEDIC			dùng cho máy realtime PCR (có barcode)	
14	CÔNG TY CP KỸ THUẬT VÀ SINH HỌC ỨNG DỤNG VIỆT NAM	0105168916	PP2600259127	Pipet nhựa 5ml	Nhà thầu không được xếp hạng thứ nhất
15	CÔNG TY CP KỸ THUẬT VÀ SINH HỌC ỨNG DỤNG VIỆT NAM	0105168916	PP2600259128	Pipet nhựa 10ml	Nhà thầu không được xếp hạng thứ nhất
16	CÔNG TY CP KỸ THUẬT VÀ SINH HỌC ỨNG DỤNG VIỆT NAM	0105168916	PP2600259132	Miếng dán cho đĩa realtime PCR 96 miếng	Nhà thầu không được xếp hạng thứ nhất
17	CÔNG TY CP VẬT TƯ KHOA HỌC BIOMEDIC	0102956002	PP2600259132	Miếng dán cho đĩa realtime PCR 96 miếng	Nhà thầu không được xếp hạng thứ nhất

Phụ lục III
THÔNG TIN HÀNG HÓA TRÚNG THẦU

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-PAS ngày tháng 7 năm 2026 của Viện trưởng Viện Pasteur Thành phố Hồ Chí Minh)

STT	Mã phần lô	Tên hàng hóa	Mã hàng	Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ	Hãng sản xuất	Cấu hình kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá trúng thầu (VNĐ)
1	PP2600259077	Dung dịch kháng nấm Amphotericin B	15290026	Không yêu cầu	Năm 2025 - 2026	Anh	Thermo Fisher Scientific	Thành phần: 250µg amphotericin B và 205µg sodium deoxycholate Nồng độ 0,25 – 2,50 µg/mL Đã được xử lý vô trùng Có tác dụng ngăn chặn nhiễm trong nuôi cấy tế bào Độ thẩm thấu: 0-100 mOsm/kg, pH: 7 -14 Đóng gói: 50 mL/Chai	Chai	1	3.240.000
2	PP2600259078	Môi trường DMEM nồng độ glucose cao	12100046	Không yêu cầu	Năm 2025 - 2026	Mỹ	Thermo Fisher Scientific	Sử dụng trong nuôi cấy tế bào Đã được xử lý vô trùng Dạng bột Nồng độ glucose: 4.500 mg/L Không có Sodium Bicarbonat, Sodium Pyruvate, HEPES Không có nguồn gốc động vật Có chứa: Glucose cao, L - Glutamine (584 mg/L), Phenol red (15 mg/L) Loại tế bào: Nguyên bào sợi sơ cấp, Noron, Tế bào thần kinh đệm, HUVEC, Tế bào cơ trơn Đóng gói pha được 10 lít/hộp	Hộp	1	2.527.000
3	PP2600259079	Dung dịch Hepes	15630080	Không yêu cầu	Năm 2025 - 2026	Anh	Thermo Fisher Scientific	Đệm hóa chất hữu cơ lưỡng cực Nồng độ: 1M Công thức: N-2-Hydroxyethylpiperazine-N-2-Ethane Sulfonic Acid Sử dụng pha môi trường nuôi cấy tế bào Dạng lỏng Giá trị pH 7,0 – 7,5 Đã được lọc vô trùng Lượng sử dụng khuyến cáo 10–25 mM Áp suất thẩm thấu: 1450 - 1800 mOsm/kg H2O Đóng gói: 100ml/chai	Chai	1	2.822.000

STT	Mã phân lô	Tên hàng hóa	Mã hàng	Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ	Hãng sản xuất	Cấu hình kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá trúng thầu (VNĐ)
4	PP2600259080	Dung dịch huyết thanh bào thai bê	16000044	Không yêu cầu	Năm 2025 - 2026	Mỹ	Thermo Fisher Scientific	Thành phần: huyết thanh bào thai bê Mức nội độc tố ≤ 5 EU / mL Nồng độ Hemoglobin ≤ 15 mg/dL Bovine Gamma Globulin: Bovine Độ thẩm thấu: 280 - 340 mOsm/kg H ₂ O pH: 7-8 Gamma Globulin ≤ 500 mg/L Protein tổng: 30,0 - 45,0 mg/L Không có vi khuẩn và nấm, Bluetongue Virus, Bovine Adenovirus, Bovine Parvovirus, Reovirus, Rabies Virus Phương pháp khử trùng: tối thiểu ba lần lọc 0,1 μ m Dùng trong nuôi cấy tế bào Đóng gói: 500ml/chai	Chai	1	17.369.000
5	PP2600259081	Dung dịch L-Glutamine	25030081	Không yêu cầu	Năm 2025 - 2026	Anh	Thermo Fisher Scientific	Nồng độ: 200 mM, 100X Trong suốt, đã lọc vô trùng, không có Phenol red Giá trị pH: 5-6 Nồng độ tối ưu từ 2-6 mM Độ thẩm thấu (440 - 500 mOsm/kg) Đóng gói: 100ml/chai	Chai	1	1.567.000
6	PP2600259082	Dung dịch Acid amin không thiết yếu MEM	11140050	Không yêu cầu	Năm 2025 - 2026	Anh	Thermo Fisher Scientific	Nồng độ: 100X Dùng trong nuôi cấy tế bào Đã được lọc vô trùng pH 0,9 Không có chỉ thị phenol đỏ Bao gồm: 750 mg/L Glycine, 1320 mg/L L-Asparagine, 1470 mg/L L-Glutamic Acid Đóng gói: 100 ml/chai	Chai	1	1.100.000
7	PP2600259083	Dung dịch Penicillin-Streptomycin	15140122	Không yêu cầu	Năm 2025 - 2026	Mỹ	Thermo Fisher Scientific	Nồng độ: 100X Đã lọc vô trùng Áp suất thẩm thấu: 310 - 350 mOsm/kg pH: 4.0 - 7.0 Thành phần: 10.000 units/mL penicillin nguồn gốc Penicillium và 10.000 μ g/mL streptomycin nguồn gốc Streptomyces griseus Có phổ tác dụng đối với vi khuẩn gram âm và gram dương Đóng gói: 100ml/chai	Chai	1	822.000
8	PP2600259084	Dung dịch Sodium bicarbonate 7,5%	25080094	Không yêu cầu	Năm 2025 - 2026	Mỹ	Thermo Fisher Scientific	Nồng độ: 7,5% Loại sản phẩm: Bổ sung Đã được lọc vô trùng Giá trị pH: 8,3 Độ thẩm thấu (1300 - 1600 mOsm/kg), pH (7,9 - 8,3) Đóng gói: 100 mL/chai	Chai	2	632.000

STT	Mã phân lô	Tên hàng hóa	Mã hàng	Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ	Hãng sản xuất	Cấu hình kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá trúng thầu (VNĐ)
9	PP2600259085	Dung dịch Sodium Pyruvate	11360070	Không yêu cầu	Năm 2025 - 2026	Trung Quốc	Thermo Fisher Scientific	Nồng độ: 100 mM pH: 6-8 Độ thẩm thấu: 170 - 200 mOsm/kg Đã lọc vô trùng Sử dụng trong nuôi cấy tế bào Đóng gói: 100 ml/chai	Chai	1	614.000
10	PP2600259086	Enzyme tổng hợp cDNA mạch đơn thể hệ 3	18080051	Không yêu cầu	Năm 2025 - 2026	Mỹ	Thermo Fisher Scientific	Dùng để tổng hợp cDNA chuỗi đầu tiên từ poly (A)+ tinh khiết hoặc RNA tổng số Có thể phát hiện các mục tiêu RNA từ 100 bp đến >12 kb và lượng nguyên liệu ban đầu có thể thay đổi từ 1 pg đến 5 µg tổng số RNA Tổng hợp cDNA ở nhiệt độ 42–55°C Tốc độ phản ứng: 50 phút Nhiệt độ phản ứng tối ưu: 50°C Đóng gói 50 phản ứng/hộp	Hộp	1	18.714.000
11	PP2600259087	Enzyme Taq DNA Polymerase	10966018	Không yêu cầu	Năm 2025 - 2026	Mỹ	Thermo Fisher Scientific	Là dạng phức hợp giữa Taq DNA Polymerase và một dạng kháng thể đặc thù, ức chế hoạt động của Polymerase tại nhiệt độ phòng. Hoạt động của Taq DNA Polymerase được phục hồi trong bước biến tính DNA (PCR). Kích thước sản phẩm cuối cùng: tối đa 5 kb Hoạt tính Exonuclease 5' - 3' Có thể kéo dài sản phẩm PCR nhờ bổ sung 1,5–4,5 µL KB Extender Quy cách: 120 phản ứng/hộp	Hộp	1	5.432.000
12	PP2600259088	Tube đo huỳnh quang	Q32856	Không yêu cầu	Năm 2025 - 2026	Trung Quốc	Thermo Fisher Scientific	Sử dụng để đo nồng độ DNA bằng Qubit Fluorometer Thể tích 500µL Chất liệu: Polypropylene Thành mỏng Đóng gói: 500 cái/túi	Túi	1	5.184.000
13	PP2600259089	Kit đo nồng độ DNA sợi đôi bằng phương pháp huỳnh quang	Q32851	Không yêu cầu	Năm 2025 - 2026	Mỹ	Thermo Fisher Scientific	Đo DNA có nồng độ thấp, đề kháng với các tạp chất như muối, nucleotide tự do, ARN, chất tẩy rửa hoặc protein DNA đầu vào dao động 0,005 – 120ng/µL Phương pháp phát hiện: Huỳnh quang. Phạm vi phát hiện từ 0,1-120 ng. Bước sóng kích thích/phát xạ: 510/527 nm Hệ thống sử dụng: Qubit Fluorometer (máy đo huỳnh quang Qubit) Kích thước ống sử dụng: Ống PCR 0,5 mL thành mỏng, trong suốt. Bộ kit bao gồm thuốc thử, dung dịch pha loãng và các mẫu chuẩn DNA nồng độ: 0 ng/µL và 10 ng/µL. Đóng gói: 100 phản ứng/bộ	Bộ	1	5.474.000

STT	Mã phân lô	Tên hàng hóa	Mã hàng	Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ	Hãng sản xuất	Cấu hình kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá trúng thầu (VNĐ)
14	PP2600259090	Enzyme Rnase I	AM2294	Không yêu cầu	Năm 2025 - 2026	Lithuania	Thermo Fisher Scientific	Là chế phẩm của E. coli ribonuclease I có tác dụng phân hủy RNA. Enzyme phân hủy RNA thành hỗn hợp mononucleotide, dinucleotide và trinucleotide và không làm phân hủy DNA Nồng độ 100U/μL Độ tinh khiết >99% Hoạt động 80% trong dung dịch NaCl 0,3 M và 100% trong dung dịch NaCl 0,1–0,2 M Đóng gói 10.000U/hộp	Hộp	2	7.158.000
15	PP2600259091	Enzyme Turbo Dnase	AM2238	Không yêu cầu	Năm 2025 - 2026	Lithuania	Thermo Fisher Scientific	Enzyme cắt DNA mạch đôi không đặc hiệu để lại oligodeoxynucleotide được phosphoryl hóa ở đầu 5'. Không chứa RNase và có nguồn gốc tái tổ hợp Phân hủy DNA hiệu quả trong dung dịch chứa muối tới 0,25 M Nồng độ: 2 U/μL Tăng hoạt tính lên đến 50 lần và hiệu quả xúc tác cao hơn 350% Đóng gói: 1000U/hộp	Hộp	1	5.685.000
16	PP2600259092	Enzyme Ribonuclease H	AM2292	Không yêu cầu	Năm 2025 - 2026	Lithuania	Thermo Fisher Scientific	RNase H được phân lập từ chủng E. coli biểu hiện quá mức gen. RNase H phân hủy RNA trong các lai RNA:DNA để tạo ra các sản phẩm kết thúc bằng 3'-hydroxyl và 5'-phosphate. Nồng độ: 10 U/μL. Được bảo quản trong dung dịch: 20 mM Tris-HCl (pH 7,5 ở 25 °C), 0,1 mM EDTA, 100 mM KCl, 10 mM MgCl ₂ , 1 mM DTT, 0,02 % Triton X100, 50 % Glycerol Đóng gói: 200U/hộp	Hộp	1	5.053.000
17	PP2600259093	Bộ kit realtime chạy một bước RT-PCR thể hệ 3	11732088	Không yêu cầu	Năm 2025 - 2026	Mỹ	Thermo Fisher Scientific	Thực hiện khuếch đại cho realtime RT-PCR từ RNA tổng hoặc mRNA thành DNA trong cùng 1 phản ứng Enzyme phiên mã ngược tổng hợp cDNA ở nhiệt độ từ 42 độ C – 60 độ C Enzyme khuếch đại DNA sử dụng cơ chế "hot-start", ức chế phản ứng ở điều kiện nhiệt độ phòng Phát hiện chính xác một lượng từ 10 bản sao RNA cho tới 1μg RNA tổng số Ứng dụng: Biểu hiện gen, giám sát các bệnh truyền nhiễm Thành phần bộ kit bao gồm Enzyme, Reaction Mix, Magnesium sulfate (50mM), Rox reference Dye (25 μM). Thể tích chuẩn của phản ứng: 50 μl Đóng gói 500 phản ứng/hộp	Hộp	5	74.400.000

STT	Mã phân lô	Tên hàng hóa	Mã hàng	Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ	Hãng sản xuất	Cấu hình kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá trúng thầu (VNĐ)
18	PP2600259094	Nước cất pha mix và primer	AM9935	Không yêu cầu	Năm 2025 - 2026	Mỹ	Thermo Fisher Scientific	Dùng trong ứng dụng PCR Phương pháp tinh sạch: Hấp tiệt trùng, lọc qua màng lọc Không nhiễm endonuclease, exonuclease và hoạt tính RNase Không xử lý DEPC Kiểm tra sự nhiễm của bộ gen DNA prokaryotic và eukaryotic Đóng gói: 10 ống x 1,5 mL/hộp	Hộp	3	6.188.000
19	PP2600259095	Giếng chuẩn không màu dùng cho phản ứng miễn dịch	469949	Không yêu cầu	Năm 2025 - 2026	Đan Mạch	Thermo Fisher Scientific	Giếng nhựa tròn, trong, đáy bằng, chất liệu nhựa Polystyren Thể tích làm việc 350 µL Mỗi thanh 1×8 giếng Xử lý bề mặt MaxiSorp Phân tử đích: Kháng thể Đóng gói 640 thanh/hộp	Hộp	1	30.130.000
20	PP2600259096	Enzyme Klenow Fragment	EP0421	Không yêu cầu	Năm 2025 - 2026	Lithuania	Thermo Fisher Scientific	Đoạn Klenow Fragment, exo-đoạn lớn của DNA polymerase I Thể hiện hoạt động polymerase 5'→3', nhưng không có hoạt động exonuclease 3'→5' và 5'→3' của DNA Polymerase I. Có khả năng gắn các nucleotide biến đổi Hoạt động trong các đệm của enzyme cắt giới hạn, PCR và RT Nồng độ: 5 U/µL Đóng gói: 300U/hộp	Hộp	1	2.800.000
21	PP2600259097	Môi các loại	Không có mã hàng	Không yêu cầu	Năm 2026	Trung Quốc	Synbio Technologies	Nồng độ tổng hợp: 250nmol - Nồng độ đảm bảo khi giao hàng tối thiểu: 6 ODs (hoặc 25 nmol) - Môi cung cấp dưới dạng tinh sạch HPLC và được làm đông khô - Trình tự các loại nu cung cấp theo yêu cầu của Viện	Nu	7098	23.000
22	PP2600259098	Đầu dò gắn huỳnh quang các loại	Không có mã hàng	Không yêu cầu	Năm 2026	Trung Quốc	Synbio Technologies	Nồng độ tổng hợp: 250nmol - Nồng độ đảm bảo khi giao hàng tối thiểu: 6 ODs (hoặc 25 nmol) - Đầu dò cung cấp dưới dạng tinh sạch HPLC và được làm đông khô - Các kênh màu: FAM; VIC; JUN; CY5 - Trình tự các loại nu cung cấp theo yêu cầu của Viện (Tối đa không quá 50nu)	Ống	16	12.000.000
23	PP2600259099	PBS (Phosphate-Buffered Saline) dạng viên	P4417-100TAB	Không yêu cầu	Năm 2025 - 2026	Mỹ	Merck (brand Sigma)	Một viên hòa tan trong 200 mL nước khử ion tạo ra dung dịch đệm photphat 0,01 M, kali clorua 0,0027 M và natri clorua 0,137 M Đóng gói: 100 viên/hộp	Hộp	1	7.500.000
24	PP2600259100	Cồn y tế 70 độ	Không có mã hàng	Không yêu cầu	Năm 2026	Việt Nam	Bidophar USA	Cồn dùng trong lĩnh vực y tế Nồng độ: Ethanol 70% Đóng gói: 30 lít/can	Can	2	1.089.000

STT	Mã phân lô	Tên hàng hóa	Mã hàng	Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ	Hãng sản xuất	Cấu hình kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá trúng thầu (VNĐ)
25	PP2600259101	Cồn y tế 90 độ	Không có mã hàng	Không yêu cầu	Năm 2026	Việt Nam	Bidophar USA	Cồn dùng trong lĩnh vực y tế Nồng độ: Ethanol 90% Đóng gói: 30 lít/can	Can	5	1.221.000
26	PP2600259102	Dung dịch Ethanol tuyệt đối	1009831011	Không yêu cầu	Năm 2025 - 2026	Đức	Merck	Độ tinh khiết: $\geq 99,9\%$ Điểm sôi: 78,29°C (1013 hPa) Giá trị pH: 7,0 (10 g/l, H ₂ O, 20 °C) Áp suất hơi: 59 hPa (20 °C) Đóng gói: 1 lít/chai	Chai	2	650.000
27	PP2600259103	Đĩa giải trình tự	FLO-MIN114	Không yêu cầu	Năm 2025 - 2026	Vương Quốc Anh	Oxford Nanopore Technologies	Chứa mạch cảm biến Chứa đầu đọc kép (R10.4.1) với độ chính xác trên 99%. Quy cách: 1 cái/hộp	Cái	2	30.950.000
28	PP2600259104	Hóa chất rửa và tái sử dụng đĩa giải trình tự	EXP-WSH004	Không yêu cầu	Năm 2025 - 2026	Vương Quốc Anh	Oxford Nanopore Technologies	Thời gian chuẩn bị ≤ 60 phút Thành phần: - Wash mix (Dung dịch rửa) - Diluent (Dung dịch pha loãng) - Storage buffer (Dung dịch bảo quản) Đóng gói 6 Phản ứng /bộ	Bộ	1	6.010.000
29	PP2600259105	Hóa chất chạy Đĩa giải trình tự	EXP-FLP004	Không yêu cầu	Năm 2025 - 2026	Vương Quốc Anh	Oxford Nanopore Technologies	Được sử dụng để kích hoạt các flow cell của MinION và GridION hoặc PromethION để thực hiện giải trình tự hoặc để tải thêm thư viện vào một flow cell trong quá trình thực hiện thí nghiệm giải trình tự. Thành phần: Đĩa giải trình tự Flush Đĩa giải trình tự Tether Đóng gói 6 Phản ứng /bộ	Bộ	1	3.230.000
30	PP2600259106	Hóa chất chuẩn bị thư viện	SQK-RBK114.96	Không yêu cầu	Năm 2025 - 2026	Vương Quốc Anh	Oxford Nanopore Technologies	Thời gian chuẩn bị ≤ 60 phút. Chuẩn bị thư viện với mã vạch cho tối đa 96 mẫu gDNA. Yêu cầu đầu vào: 200 ng gDNA cho mỗi mẫu Yêu cầu PCR: Không Phân mảnh: Dựa trên transposase Độ dài đọc: Phân phối ngẫu nhiên, phụ thuộc vào độ dài đoạn đầu vào Mô-đun này tương thích với quy trình công việc của Oxford Nanopore Technologies. Đóng gói 96 Phản ứng/bộ	Bộ	1	45.280.000
31	PP2600259107	Đầu côn có lọc 10 microlit	1252P-207CS	Không yêu cầu	Năm 2025 - 2026	Nhật Bản	Fukea Kasei	Chất liệu: nhựa Polypropylen Đã tiệt trùng Không chứa DNase, RNase Phù hợp đa số pipet đang có trên thị trường Đóng gói: 96 cái/hộp	Hộp	37	129.675
32	PP2600259108	Đầu côn có lọc 100 microlit	124P-100S	Không yêu cầu	Năm 2025 - 2026	Nhật Bản	Fukea Kasei	Chất liệu: nhựa Polypropylen Đã tiệt trùng Không chứa DNase, RNase Phù hợp đa số pipet đang có trên thị trường Đóng gói: 96 cái/hộp	Hộp	33	129.666

STT	Mã phân lô	Tên hàng hóa	Mã hàng	Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ	Hãng sản xuất	Cấu hình kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá trúng thầu (VNĐ)
33	PP2600259109	Đầu côn có lọc 200 microlit	1252P-801CS	Không yêu cầu	Năm 2025 - 2026	Nhật Bản	Fukea Kasei	Chất liệu: nhựa Polypropylen Đã tiệt trùng Không chứa DNase, RNase Phù hợp đa số pipet đang có trên thị trường Đóng gói: 96 cái/hộp	Hộp	53	129.679
34	PP2600259110	Đầu côn có lọc 1000 microlit	124P-1000S	Không yêu cầu	Năm 2025 - 2026	Nhật Bản	Fukea Kasei	Chất liệu: nhựa Polypropylen Đã tiệt trùng Không chứa DNase, RNase Phù hợp đa số pipet đang có trên thị trường Đóng gói: 96 cái/hộp	Hộp	87	139.655
35	PP2600259111	Đầu côn không lọc có khóa 10 microlit	20-0010	Không yêu cầu	Năm 2025 - 2026	Trung Quốc	Biologix	Chất liệu nhựa Polypropylene Không chứa DNAase, RNAase Tương thích với nhiều loại micropipet hiện có trên thị trường Đóng gói: 1000 cái/túi	Túi	1	259.000
36	PP2600259112	Micropipette 8 kênh thể tích 30-300 microlit	SMA8-300	Không yêu cầu	Năm 2025 - 2026	Ấn Độ	Accumax	Có khóa để ngăn sự thay đổi thể tích ngẫu nhiên trong quá trình sử dụng Cho phép hấp khử trùng toàn bộ Micropipette mà không cần tháo rời Vật liệu cấu tạo chịu tia UV và hóa chất Bước tăng thể tích 0,2µl Màn hình 4 chữ số Phù hợp với đa dạng các loại đầu tip Quy cách: 1 cây/hộp	Cây	2	11.707.600
37	PP2600259113	Micropipette 8 kênh thể tích 120-1200 microlit	AFM8-1200	Không yêu cầu	Năm 2025 - 2026	Ấn Độ	Accumax	Có khóa để ngăn sự thay đổi thể tích ngẫu nhiên trong quá trình sử dụng Cho phép hấp khử trùng toàn bộ Micropipette mà không cần tháo rời Vật liệu cấu tạo chịu tia UV và hóa chất Bước tăng thể tích 1µl Màn hình 4 chữ số Phù hợp với đa dạng các loại đầu tip Quy cách: 1 cây/hộp	Cây	1	13.500.000
38	PP2600259114	Thiết bị trợ pipet cầm tay	710931	Không yêu cầu	Năm 2025 - 2026	Phân Lan	Sartorius	Dùng để hút và phân phối dung dịch Tốc độ pipet tối đa: ~10 mL/giây Thời gian sạc pin: Khoảng 3 giờ, có đèn báo pin yếu Số chu kỳ pipet: ~2.000 lần Đầu nối và bộ chuyển silicone có thể hấp tiệt trùng ở 121 °C trong 20 phút, 1 bar Tương thích với các loại pipet thủy tinh hoặc nhựa thông dụng có dải thể tích từ 1 đến 100 mL	Cái	2	11.988.000

STT	Mã phân lô	Tên hàng hóa	Mã hàng	Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ	Hãng sản xuất	Cấu hình kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá trúng thầu (VNĐ)
39	PP2600259115	Hộp lưu mẫu 81 chỗ	90-9009	Không yêu cầu	Năm 2025 - 2026	Trung Quốc	Biologix	Hộp 81 vị trí (9x9) Chất liệu: polycarbonate, chịu được hóa chất Có thể đông lạnh và rã đông nhiều lần Có đánh dấu dạng lưới Tương thích với các microtube 0,5ml, 1,5ml hoặc 2,0ml và các ống lưu mẫu Chịu được nhiệt độ từ -196 độ C đến 121 độ C	Cái	90	159.600
40	PP2600259116	Ống nhựa hút vô trùng	30-0138A1	Không yêu cầu	Năm 2025 - 2026	Trung Quốc	Biologix	Dung tích: 3ml Chiều dài: 160 - 162mm Chất liệu: Polyetylen (PE) Màu sắc: trong suốt Có vạch chia 0,5 mL trên ống Vô trùng: Tiệt trùng bằng bức xạ gamma (Loại 1 chiếc/ túi) Quy cách: 500 cái/thùng	Thùng	1	1.197.000
41	PP2600259117	Găng tay nitrile không bột	Không có mã hàng	Không yêu cầu	Năm 2025 - 2026	Việt Nam	HTC GLOVE	Chất liệu: 100% nitrile Hàm lượng độ bột: Tối đa 2mg/găng Màu: Trắng hoặc xanh Giao theo kích thước của Viện khi đặt hàng Đóng gói: 50 đôi/hộp	Hộp	52	90.000
42	PP2600259118	Găng tay không bột	Không có mã hàng	Không yêu cầu	Năm 2025 - 2026	Việt Nam	HTC GLOVE	Nguyên liệu: cao su tự nhiên Dùng được cho cả 2 tay, có viền cổ tay Hàm lượng bột: ≤ 2 mg/găng tay Giao theo kích thước của Viện khi đặt hàng Đóng gói: 50 đôi/hộp	Hộp	50	100.000
43	PP2600259119	Khẩu trang y tế 4 lớp	Không có mã hàng	Không yêu cầu	Năm 2025 - 2026	Việt Nam	Bông Bạch Tuyết	Gồm 04 lớp bảo vệ ngăn chặn bụi, vi khuẩn Đóng gói: 50 cái/hộp	Hộp	27	60.000
44	PP2600259120	Buồng đếm tế bào	BVS100	Không yêu cầu	Năm 2025 - 2026	Ý	Biosigma	Số giếng: 10 giếng Vật liệu: methacrylate Mục đích: Sử dụng đếm tế bào/ hồng cầu dưới kính hiển vi Quy cách: 100 cái/ hộp	Hộp	1	4.500.000
45	PP2600259121	Bàn cào tế bào	3010	Không yêu cầu	Năm 2025 - 2026	Mexico	Corning Inc.	Chiều dài bàn cào: 25 cm Chiều dài lưỡi cào: 1,8 cm Dùng để tách tế bào khỏi mặt chai nuôi cấy Đóng gói riêng biệt từng cái Quy cách: 100 cây/ hộp	Hộp	1	7.080.000
46	PP2600259122	Chai nuôi cấy tế bào 25cm ²	430168	Không yêu cầu	Năm 2025 - 2026	Trung Quốc	Corning Inc.	Hình dạng chai: Hình chữ nhật Kiểu cổ chai: dạng xéo Được xử lý bề mặt Phạm vi chia độ: 5-30 mL Diện tích bề mặt: 25 cm ² Thể tích nuôi: 5 - 7,5 mL Chai và nắp được xử lý vô trùng Đường kính nắp 20 mm Chất liệu nắp Polyethylene Quy cách: 20 cái/túi, 500 cái/thùng	Thùng	1	16.350.000

STT	Mã phân lô	Tên hàng hóa	Mã hàng	Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ	Hãng sản xuất	Cấu hình kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá trúng thầu (VNĐ)
47	PP2600259123	Lọc chân không 500ml	431097	Không yêu cầu	Năm 2025 - 2026	Mỹ	Corning Inc.	Kiểu lọc: Hệ thống chân không Dung tích: 500 mL Vật liệu màng: Polyethersulfone Kích thước lỗ màng: 0,22 µm Diện tích màng: 33,2 cm ² Được gói riêng từng cái Đường kính cổ: 45 mm Đã được xử lý tiệt trùng Đóng gói: 12 cái/thùng	Thùng	1	5.350.000
48	PP2600259124	Dây 8 ống 0,1mL và nắp liền ống realtime PCR	3248-00	Không yêu cầu	Năm 2025 - 2026	Mỹ	SSIbio	Dây gồm 8 ống 0,1ml và bao gồm nắp, nắp được gắn ở 1 góc của ống Chất liệu: Polypropylene, nắp phẳng, trong suốt Không chứa RNase/DNase và chất ức chế PCR Quy cách: 120 strip/hộp	Hộp	3	2.000.000
49	PP2600259125	Đĩa nhựa 96 giếng 0,1ml dùng cho máy realtime PCR (có barcode)	4346906	Không yêu cầu	Năm 2025 - 2026	Trung Quốc	ABI/ThermoFisher Scientific	Thể tích làm việc: 0,1ml Chất liệu nhựa Polypropylen, trong suốt Quy cách: 20 cái/túi	Túi	1	5.810.000
50	PP2600259126	Lam kính	GT201-7102	Không yêu cầu	Năm 2025 - 2026	Trung Quốc	Greetmed	Kích thước: khoảng 25,4mm x 76,2mm, loại trơn Độ dày: 1 – 1,2 mm Vật liệu: thủy tinh Đóng gói: 72 miếng/hộp	Hộp	2	27.000
51	PP2600259127	Pipet nhựa 5ml	4487	Không yêu cầu	Năm 2025 - 2026	Mỹ	Corning Inc.	Thể tích sử dụng: 5 mL Chất liệu: Nhựa Polystyren Độ chính xác của thể tích ± 2% Hình dạng: trụ hình tròn Không chứa DNase/RNase Đã tiệt trùng, đóng gói từng cái Đóng gói: 200 cái/thùng	Thùng	1	1.680.000
52	PP2600259128	Pipet nhựa 10ml	4488	Không yêu cầu	Năm 2025 - 2026	Mỹ	Corning Inc.	Thể tích sử dụng: 10 mL Chất liệu: Nhựa Polystyren Độ chính xác của thể tích ± 2% Hình dạng: trụ hình tròn Không chứa DNase/RNase Đã tiệt trùng, đóng gói từng cái Đóng gói: 200 cái/thùng	Thùng	1	1.730.000
53	PP2600259129	Ống trữ lạnh tiệt trùng 2 ml nắp vận	2341-S0	Không yêu cầu	Năm 2025 - 2026	Mỹ	SSIbio	Ống trữ lạnh tiệt trùng tự đứng 2 ml có nhãn viết - Chịu được nhiệt độ từ - 196 độ C đến 121 độ C - Chất liệu polypropylene; - Nắp vận ngoài, có ron - Không chứa DNase, RNase Đóng gói: 50 cái/túi	Túi	10	220.000
54	PP2600259130	Giấy đo pH	1109620003	Không yêu cầu	Năm 2024 - 2026	Đức	Merck	Dạng cuộn, có kèm bảng màu để so sánh Kích thước: dài 4,8 mét Khoảng đo pH: 1-14	Hộp	1	1.800.000

STT	Mã phân lô	Tên hàng hóa	Mã hàng	Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ	Hãng sản xuất	Cấu hình kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá trúng thầu (VNĐ)
55	PP2600259131	Ống ly tâm đáy nhọn 1,5ml có nắp	1210-00	Không yêu cầu	Năm 2025 - 2026	Mỹ	SSIbio	Loại không tiết trùng Nắp bật, có vạch chia thể tích Thể tích làm việc: 1,5ml Vật liệu: polypropylene, đáy hình nón Không chứa DNase/RNase Chịu được lực ly tâm lên đến 20.000 xg Đóng gói: 500 cái/túi	Túi	9	350.000
56	PP2600259132	Miếng dán cho đĩa realtime PCR 96 miếng	4311971	Không yêu cầu	Năm 2025 - 2026	Mỹ	ABI/ ThermoFisher Scientific	Chất liệu Polyester Dạng film, trong suốt Quy cách: 100 miếng/hộp	Hộp	1	12.912.000
57	PP2600259133	Giấy lọc nhăn (crepe filter paper)	FT-2-314- 580580	Không yêu cầu	Năm 2025 - 2026	Đức	Sartorius	Được làm từ Xơ bông (cotton linters) và bột giấy tinh chế (> 95% α -cellulose) Kích thước: 580 × 580 mm, màu trắng Độ dày: 0,55mm Thời gian lọc: 12 giây Đóng gói: 100 tờ/hộp	Hộp	2	4.600.000